TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DSST
Ngày 03-01-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mùa

Bà Nguyễn Thị Kim Thảo

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lữ Đình L, sinh năm 1990 "có mặt";

Địa chỉ: tổ 4, khu phố T, phường TB, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước;

- *Bị đơn:* Chị Thị N, sinh năm 1987 "vắng mặt";

Địa chỉ: thôn Ba, xã BM, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên anh L có cho chị Thị N vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 25/6/2018, anh L cho chị N vay số tiền 500.000.000 đồng, hai bên có L "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền", thỏa thuận thời hạn trả nợ cuối cùng vào

ngày 09/7/2018 trả hết toàn bộ tiền gốc và tiền lãi suất, lãi suất thỏa thuận miệng (do lâu ngày anh L không nhớ rõ mức lãi là bao nhiêu).

Ngày 04/7/2018, anh L tiếp tục cho chị Thị N vay số tiền 600.000.000 đồng, hai bên có L "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền", thỏa thuận thời hạn trả nợ ngày 18/7/2018, lãi suất thỏa thuận miêng với nhau nhưng không ghi trong hợp đồng (do lâu ngày anh L không nhớ rõ mức lãi suất là bao nhiêu).

Khi ký kết các hợp đồng vay tiền anh L không nhận thế chấp hay cầm cố tài sản gì của Thị N, nhưng chị Thị N có sử dụng 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Thị N, Điểu Thị Dơm, Điểu Nhoi để làm tin khi vay tiền. Đến ngày 29/6/2018, chị Thị N đã lấy lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Thị N, Điểu Thị D, Điểu Nh.

Kể từ ngày vay số tiền 500.000.000 đồng ngày 25/6/2018 và số tiền 600.000.000 đồng ngày 04/7/2018 đến nay Thị N chưa trả cho anh L được khoản tiền gốc hay tiền lãi suất nào.

Nay anh L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập buộc chị Thị N trả một lần hết toàn bộ số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng và không yêu cầu chị Thị N trả tiền lãi suất theo quy định.

Bị đơn chị Thị N trình bày tại các biên bản lấy lời khai và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như sau:

Chị N thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian, số tiền vay cụ thể: Do có mối quan hệ quan biết nên vào các ngày 25/6/2018 và ngày 04/7/2018, chị N có vay tổng cộng số tiền gốc 1.100.000.000 đồng; hai bên thỏa thuận thời trả nợ gốc và nợ lãi vào ngày 09/7/2018 và ngày 18/7/2018 và thỏa thuận miệng về trả tiền lãi suất nhưng không ghi vào hợp đồng. Khi vay tiền có L "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" chị N ký tên, điểm chỉ bên người vay tiền. Khi ký kết hợp đồng vay tiền chị N có giao cho anh L 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Thị N, Điểu Thị D, Điểu Nh để làm tin. Đến ngày 29/6/2018, chị Thị N đã nhận lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Thị N, Điểu Thị D, Điểu Nh. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N cho rằng trong tổng số tiền 1.100.000.000 đồng vay của anh L thì chị N chỉ thực tế nhận được số tiền mặt 900.000.000 đồng còn số tiền 200.000.000 đồng chị N đặt cọc cho Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với công ty Huy Hoàng. Chị N cho rằng đã trả được cho anh L 870.000.000 đồng tiền gốc và chỉ còn nợ 30.000.000 đồng tiền gốc nên chỉ đồng ý trả cho anh L số tiền này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lữ Đình L.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án: Nguyên đơn anh Lữ Đình L khởi kiện bị đơn chị Thị N thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo các "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" đã ký kết ngày 25/6/2018 và ngày 04/7/2018. Đây là tranh chấp phát sinh trong việc giao kết hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Thị N đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 nhưng chị N vẫn vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung vụ án: Căn cứ vào các "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" ngày 25/6/2018 và ngày 04/7/2018; Căn cứ vào lời khai xác nhận của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng khách quan tại phiên tòa đã có cơ sở để khẳng định: do có mối quan hệ quen biết nên anh L đã cho chị N vay tổng cộng 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) vào các ngày 25/6/2018 và ngày 04/7/2018, khi vay có L hợp đồng cho cá nhân vay tiền do chị N ký tên và điểm chỉ bên người vay, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc cuối cùng vào các ngày 09/7/2018 và ngày 18/7/2019 trả hết toàn bộ tiền gốc vay. Xét, việc giao kết hợp đồng vay tiền giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự quy định tại các điều 385, 388, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng này hợp pháp và có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị N thừa nhận giữa chị N và anh L có giao kết các "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" ngày 25/6/2018 và ngày 04/7/2018 và thừa nhận có vay của anh L số tiền 1.100.000.000 đồng, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những*

tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".

[3] Đối với ý kiến của chị Thị N cho rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền chị N cho rằng thực tế chỉ nhận được số tiền 900.000.000 đồng còn số tiền 200.000.000 đồng chị N dùng để đặt cọc cho Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại công ty của anh L. Đồng thời, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền chị N đã trả được cho anh L 870.000.000 đồng tiền gốc nên chỉ còn nợ anh L số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh L không thừa nhận lời trình bày của chị N là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N không đưa ra được chứng cứ để chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ khoản 1, 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự *"1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp,... 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc."*

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, chị Thị N thừa nhận có L các "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" ngày 25/6/2018 và ngày 04/7/2018 và thừa nhận có vay của anh L 1.100.000.000 đồng tiền gốc nhưng cố tình không trả nợ cho anh L khi đến hạn theo thỏa thuận như đã giao kết trong hợp đồng là ảnh hưởng đến quyền lợi của anh L. Do đó, anh Lữ Đình L khởi kiện yêu cầu chị Thị N trả tiền nợ gốc đã vay tổng cộng 1.100.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi suất do nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[6] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo thỏa thuận tại các "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" ngày 25/6/2018 và ngày 04/7/2018 nên nguyên đơn đề nghị bị đơn phải trả toàn bộ nợ gốc ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[7] Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Mức án phí được quy định như sau: Đối với giá trị tài sản có tranh chấp từ trên 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, mức án phí là 36 triệu đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng.

Do đó, bị đơn phải chịu tiền án phí là: 36.000.000 đồng + (300.000.000 đồng x 3%) = 45.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị đơn chị Thị N có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Bù Gia Mập,

huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên chị N được giảm ½ số tiền án phí. Chị Thị N còn phải chịu tiền án phí là 22.500.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 40; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 385, 388, 463, 466 Bộ Luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lữ Đình L. Buộc chị Thị N phải trả cho anh Lữ Đình L 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) tiền nợ gốc.

2. Về án phí:

- Chị Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Anh Lữ Đình L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.500.000 đồng theo biên lại thu tiền số 0019936 ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên

án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Công